



**SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE**

**MILINDAPAÑHAPĀḶI**

**&**

**MILINDA VẤN ĐẠO**

## 4. NIBBĀNAVAGGO

1. Rājā āha: “**Bhante nāgasena sakkā imesaṃ dhammānaṃ ekatobhāvaṅgatānaṃ<sup>1</sup> vinibbhujitvā vinibbhujitvā nānākaraṇaṃ paññāpetuṃ ‘ayaṃ phasso, ayaṃ vedanā, ayaṃ saññā, ayaṃ cetanā, idaṃ viññāṇaṃ, ayaṃ vitakko, ayaṃ vicāro**”ti?

“Na sakkā mahārāja imesaṃ dhammānaṃ ekatobhāvaṅgatānaṃ vinibbhujitvā vinibbhujitvā nānākaraṇaṃ paññāpetuṃ ‘ayaṃ phasso, ayaṃ vedanā, ayaṃ saññā, ayaṃ cetanā, idaṃ viññāṇaṃ, ayaṃ vitakko, ayaṃ vicāro”ti.

“Opammaṃ karohī”ti.

“Yathā mahārāja rañño sūdo yūsaṃ vā rasaṃ vā<sup>2</sup> kareyya, so tattha dadhimpī pakkhipeyya, loṇampi pakkhipeyya, siṅgiverampi pakkhipeyya, jīrakampi pakkhipeyya, maricampi pakkhipeyya, aññāni ‘pi pakārāni pakkhipeyya, tamenāṃ rājā evaṃ vadeyya, ‘dadhissa me rasaṃ āhara, loṇassa me rasaṃ āhara, siṅgiverassa me rasaṃ āhara, jīrakassa me rasaṃ āhara, maricassa me rasaṃ āhara, sabbesaṃ me pakkhittānaṃ rasaṃ āharā”ti. Sakkā nu kho mahārāja tesāṃ rasānaṃ ekatobhāvaṅgatānaṃ vinibbhujitvā vinibbhujitvā rasaṃ āharitūṃ ambulattaṃ vā lavaṇattaṃ vā tittakattaṃ vā kaṭukattaṃ vā kasāyattaṃ vā madhurattaṃ vā”ti?

“Na hi bhante sakkā tesāṃ rasānaṃ ekatobhāvagatānaṃ vinibbhujitvā vinibbhujitvā rasaṃ āharitūṃ ambulattaṃ vā lavaṇattaṃ vā tittakattaṃ vā kaṭukattaṃ vā kasāyattaṃ vā madhurattaṃ vā, api ca kho pana sakena sakena lakkhaṇena upaṭṭhahantī”ti.

“Evameva kho mahārāja, na sakkā imesaṃ dhammānaṃ ekatobhāvaṅgatānaṃ vinibbhujitvā vinibbhujitvā nānākaraṇaṃ paññāpetuṃ ‘ayaṃ phasso, ayaṃ vedanā, ayaṃ saññā, ayaṃ cetanā, idaṃ viññāṇaṃ, ayaṃ vitakko, ayaṃ vicāro”ti. Api ca kho pana sakena sakena lakkhaṇena upaṭṭhahantī”ti.

“Kallo ‘si bhante nāgasenā”ti.

2. Thero āha: “**Loṇaṃ mahārāja cakkhaviññeyyan**”ti?

“Āma bhante, cakkhaviññeyyan”ti.

“Sutṭhu kho mahārāja jānāsī”ti?<sup>3</sup>

“Kimpana bhante jivhāviññeyyan”ti?

“Āma mahārāja, jivhāviññeyyan”ti.

“Kimpana bhante sabbāṃ loṇaṃ jivhāya vijānātī”ti?

“Āma mahārāja. Sabbāṃ loṇaṃ jivhāya vijānātī”ti.

<sup>1</sup> ekatobhāvagatānaṃ - Ma, evaṃ sabbattha.

<sup>2</sup> arasaṃ vā rasaṃ vā - Ma.

<sup>3</sup> jānāhī ti - Ma, PTS.

#### 4. PHẨM NIẾT BÀN:

1. Đức vua đã nói rằng: **“Thưa ngài Nāgasena, đối với các pháp được gom chung thành một bản thể này, có thể nào lần lượt tách rời và chỉ ra sự khác biệt của chúng: ‘cái này là xúc, cái này là thọ, cái này là tưởng, cái này là tư, cái này là thức, cái này là tâm, cái này là tứ?’”**

“Tâu đại vương, đối với các pháp được gom chung thành một bản thể này, không thể nào lần lượt tách rời và chỉ ra sự khác biệt của chúng: ‘cái này là xúc, cái này là thọ, cái này là tưởng, cái này là tư, cái này là thức, cái này là tâm, cái này là tứ.’”

“Xin ngài cho ví dụ.”

“Tâu đại vương, giống như người đầu bếp của đức vua thực hiện món súp hoặc nước chấm, người ấy nêm sữa, nêm muối, nêm gừng, nêm thìa là, nêm tiêu, nêm các gia vị khác vào trong món đó, đức vua nói với người ấy như vậy: ‘Hãy đem cho trăm nước chấm vị sữa, hãy đem cho trăm nước chấm vị muối, hãy đem cho trăm nước chấm vị gừng, hãy đem cho trăm nước chấm vị thìa là, hãy đem cho trăm nước chấm vị tiêu, hãy đem cho trăm nước chấm đã được nêm tất cả các thứ.’ Tâu đại vương, đối với các vị nêm được gom chung thành một bản thể ấy, có thể nào lần lượt tách rời và mang lại nước chấm có vị chua, hoặc có vị mặn, hoặc có vị đắng, hoặc có vị cay, hoặc có vị chát, hoặc có vị ngọt không?”

“Thưa ngài, đối với các vị nêm được gom chung thành một bản thể ấy, không thể nào lần lượt tách rời và mang lại nước chấm có vị chua, hoặc có vị mặn, hoặc có vị đắng, hoặc có vị cay, hoặc có vị chát, hoặc có vị ngọt được, mặc dầu chúng hiện diện với đặc điểm riêng của từng vị một.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế đối với các pháp được gom chung thành một bản thể này, không thể nào lần lượt tách rời và chỉ ra sự khác biệt của chúng: ‘cái này là xúc, cái này là thọ, cái này là tưởng, cái này là tư, cái này là thức, cái này là tâm, cái này là tứ,’ mặc dầu chúng hiện diện với đặc điểm riêng của từng pháp một.”

“Thưa ngài Nāgasena, ngài thật khôn khéo.”

2. Vị trưởng lão đã nói rằng: **“Tâu đại vương, muối có thể được nhận biết bằng mắt không?”**

“Thưa ngài, đúng vậy. Có thể được nhận biết bằng mắt.”

“Tâu đại vương, có phải ngài biết chắc chắn?”

“Thưa ngài, phải chăng có thể được nhận biết bằng lưỡi?”

“Tâu đại vương, đúng vậy. Có thể được nhận biết bằng lưỡi.”

“Thưa ngài, phải chăng nhận biết tất cả các loại muối bằng lưỡi?”

“Tâu đại vương, đúng vậy. Nhận biết tất cả các loại muối bằng lưỡi.”

“Yadi bhante sabbaṃ loṇaṃ jivhāya vijānāti, kissa pana taṃ sakaṭehi balivaddā<sup>1</sup> āharanti? Nanu loṇameva āharitabban ”ti?

“Na sakkā mahārāja loṇameva āharituṃ. Ekatobhāvaṅgatā ete dhammā gocaranānattaṃ gatā loṇaṃ garubhāvo cā ”ti?

“Sakkā pana mahārāja loṇaṃ tulāya tulayitun ”ti?

“Āma bhante, sakkā ”ti.

“Na sakkā mahārāja loṇaṃ tulāya tulayituṃ. Garubhāvo tulāya tuliyatī ”ti.

“Kallo ’si bhante nāgasenā ”ti.

3. Rājā āha: “**Bhante nāgasena yānimāni pañcāyatanāni kinnu tāni nānākammehi nibbattāni, udāhu ekena kammenā** ”ti?

“Nānākammehi mahārāja nibbattāni, na ekena kammenā ”ti.

“Opammaṃ karohī ”ti.

“Taṃ kimmaññasi mahārāja? Ekasmiṃ khetto pañca bījāni vapeyyuṃ,<sup>2</sup> tesam nānābījānaṃ nānāphalāni nibbatteyyun ”ti?

“Āma bhante, nibbatteyyun ”ti.

“Evameva kho mahārāja yānimāni pañcāyatanāni, tāni nānākammehi<sup>3</sup> nibbattāni, na ekena kammenā ”ti.

“Kallo ’si bhante nāgasenā ”ti.

4. Rājā āha: “**Bhante nāgasena, kena kāraṇena manussā na sabbe samakā, aññe appāyukā, aññe dīghāyukā, aññe bavhābādhdā, aññe appābādhdā, aññe dubbaṇṇā, aññe vaṇṇavanto, aññe appesakkhā, aññe mahesakkhā, aññe appabhogā, aññe mahābhogā, aññe nīcakulīnā, aññe mahākulīnā, aññe duppaññā, aññe paññāvanto** ”ti?

Thero āha: “Kissa pana mahārāja rukkhā na sabbe samakā, aññe ambilā, aññe lavaṇā, aññe tittakā, aññe kaṭukā, aññe kasāvā, aññe madhurā ”ti?

“Maññāmi bhante bījānaṃ nānākaraṇenā ”ti.

<sup>1</sup> balībaddā - Ma.

<sup>2</sup> nānābījāni vappeyyuṃ - Ma.

<sup>3</sup> yāni yāni pañcāyatanāni, tāni tāni nānākammehi - Ma.

“Thưa ngài, nếu nhận biết tất cả các loại muối bằng lưới, tại sao những con bò mang muối lại bằng các xe kéo? Sao không mang lại chỉ riêng muối thôi?”

“Tâu đại vương, không thể mang lại chỉ riêng muối thôi. Các vật được gom chung thành một bản thể này có bản chất khác biệt về lãnh vực, và muối có tính chất nặng nề.”

“Tâu đại vương, phải chăng có thể cân muối bằng cân?”

“Thưa ngài, đúng vậy. Có thể.”

“Tâu đại vương, không có thể cân muối bằng cân. Tính chất nặng nề (của muối) được cân bằng cân.”

“Thưa ngài Nāgasena, ngài thật khôn khéo.”

3. Đức vua đã nói rằng: **“Thưa ngài Nāgasena, có phải năm xứ<sup>1</sup> được sanh lên do các việc làm khác nhau, hay là do một việc làm?”**

“Tâu đại vương, chúng được sanh lên do các việc làm khác nhau, không phải do một việc làm.”

“Xin ngài cho ví dụ.”

“Tâu đại vương, ngài nghĩ gì về điều này? Năm loại hạt giống gieo ở một cánh đồng, đối với các loại hạt giống khác nhau phải chăng các quả khác nhau được sanh lên?”

“Tâu đại vương, đúng vậy. Chúng được sanh lên.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế năm xứ được sanh lên do các việc làm khác nhau, không phải do một việc làm.”

“Thưa ngài Nāgasena, ngài thật khôn khéo.”

4. Đức vua đã nói rằng: **“Thưa ngài Nāgasena, vì nguyên nhân nào mà toàn thể loài người là không giống nhau, những kẻ này yếu thọ, các kẻ khác trường thọ, những kẻ này nhiều bệnh, các kẻ khác ít bệnh, những kẻ này có sắc xấu, các kẻ khác có sắc tốt, những kẻ này có ít quyền lực, các kẻ khác có nhiều quyền lực, những kẻ này có ít của cải, các kẻ khác có nhiều của cải, những kẻ này có gia tộc hạ tiện, các kẻ khác có gia tộc thượng lưu, những kẻ này có tuệ tối, các kẻ khác có tuệ?”**

Vị trưởng lão đã nói rằng: “Tâu đại vương, vì sao tất cả các cây cối là không giống nhau, những cây này là chua, các cây khác là mặn, những cây này là đắng, các cây khác là cay, những cây này là chát, các cây khác là ngọt?”

“Thưa ngài, trẫm nghĩ là vì việc làm khác nhau của hạt giống.”

<sup>1</sup> Năm xứ là nhân xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiết xứ, và thân xứ (ND).

“Evameva kho mahārāja kammānaṃ nānākaraṇena manussā na sabbe samakā aññe appāyukā, aññe dīghāyukā, aññe bavhābādhā, aññe appābādhā, aññe dubbaṇṇā, aññe vaṇṇavanto, aññe appesakkhā, aññe mahesakkhā, aññe appabhogā, aññe mahābhogā, aññe nīcakulinā, aññe mahākulinā, aññe duppaññā, aññe paññāvanto. Bhāsitaṃpetamaṃ mahārāja bhagavatā: **‘kammassakā māṇava sattā kammadāyādā kammayonī kammabandhū kammaṇṇisaṇṇā kammaṃ satte vibhajati yadidaṃ hīnappaṇītatāyā’**”ti.

“Kallo ’si bhante nāgasenā”ti.

5. Rājā āha: **“Bhante nāgasena, tumhe bhaṇatha ‘kinti imaṃ dukkhaṃ nirujjheyya, aññañca dukkhaṃ na uppajjeyyā ti etadatthā mahārāja amhākaṃ pabbajjā ’ti? Kiṃ paṭigacceva<sup>1</sup> vāyamitena? Nanu sampatte kāle vāyamitabban’**”ti?

Thero āha: “Sampatte kāle mahārāja vāyāmo akiccakaro bhavati paṭigacceva vāyāmo kiccakaro bhavati”ti.

“Opammaṃ karohī”ti.

“Taṃ kimmaññasi mahārāja, yadā tvaṃ pipāsito bhavessasi, tadā tvaṃ udapānaṃ khaṇāpeyyāsi, taḷākaṃ khaṇāpeyyāsi pānīyaṃ pivissāmi”ti?

“Na hi bhante”ti.

“Evameva kho mahārāja sampatte kāle vāyāmo akiccakaro bhavati. Paṭigacceva vāyāmo kiccakaro bhavati”ti.

“Bhiyyo opammaṃ karohī”ti.

“Taṃ kimmaññasi mahārāja. Yadā tvaṃ bubhukkhito bhavessasi, tadā tvaṃ khettaṃ kasāpeyyāsi, sāliṃ ropāpeyyāsi, dhaññaṃ atiharāpeyyāsi ‘bhattaṃ bhuñjissāmi’”ti?

“Na hi bhante”ti.

“Evameva kho mahārāja sampatte kāle vāyāmo akiccakaro bhavati. Paṭigacceva vāyāmo kiccakaro bhavati”ti.

“Bhiyyo opammaṃ karohī”ti.

“Taṃ kimmaññasi mahārāja, yadā te saṅgāmo paccupaṭṭhito bhavessasi, tadā tvaṃ parikhaṃ khaṇāpeyyāsi? pākāraṃ kārāpeyyāsi? gopuraṃ kārāpeyyāsi? aṭṭalakaṃ kārāpeyyāsi? dhaññaṃ atiharāpeyyāsi? tadā tvaṃ hatthismiṃ sikkheyyāsi? assasmiṃ sikkheyyāsi? rathasmiṃ sikkheyyāsi? dhanusmiṃ sikkheyyāsi? tharusmiṃ sikkheyyāsi”ti?

“Na hi bhante”ti.

<sup>1</sup> paṭigacceva. - Ma.

“Tâu đại vương, tương tự y như thế vì việc làm khác nhau của các nghiệp mà toàn thể loài người là không giống nhau, những kẻ này yếu thọ, các kẻ khác trường thọ, những kẻ này nhiều bệnh, các kẻ khác ít bệnh, những kẻ này có sắc xấu, các kẻ khác có sắc tốt, những kẻ này có ít quyền lực, các kẻ khác có nhiều quyền lực, những kẻ này có ít của cải, các kẻ khác có nhiều của cải, những kẻ này có gia tộc hạ tiện, các kẻ khác có gia tộc thượng lưu, những kẻ này có tuệ tối, các kẻ khác có tuệ. Tâu đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: *‘Này người thanh niên, chúng sanh là các chủ nhân của nghiệp, là những kẻ thừa tự của nghiệp. Có nghiệp là căn nguyên, có nghiệp là thân quyến, có nghiệp là nơi nương tựa, nghiệp phân loại các chúng sanh tức là theo tính chất hạ liệt hay cao quý.’*”

“Thưa ngài Nāgasena, ngài thật khôn khéo.”

5. Đức vua đã nói rằng: **“Thưa ngài Nāgasena, ngài nói rằng: ‘Làm cách nào để cho khổ này diệt và khổ khác không thể sanh lên? Tâu đại vương, sự xuất gia của tôi là với mục đích ấy.’ Có lợi ích gì với việc đã tinh tấn trước đây? Chẳng phải là nên tinh tấn trong thời hiện tại hay sao?”**

Vị trưởng lão đã nói rằng: “Tâu đại vương, sự tinh tấn trong thời hiện tại thì chưa làm được việc, sự tinh tấn trước đây thì đã làm được việc.”

“Xin ngài cho ví dụ.”

“Tâu đại vương, ngài nghĩ gì về điều này? Phải chăng khi nào ngài bị khát thì khi ấy ngài mới bảo đào giếng nước, mới bảo đào hồ nước (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ uống nước?’”

“Thưa ngài, không đúng.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế sự tinh tấn trong thời hiện tại thì chưa làm được việc, sự tinh tấn trước đây thì đã làm được việc.”

“Xin ngài cho thêm ví dụ.”

“Tâu đại vương, ngài nghĩ gì về điều này? Phải chăng khi nào ngài thèm ăn thì khi ấy ngài mới bảo cày ruộng, mới bảo trồng lúa *sālī*, mới bảo đem thóc lại (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ thọ dụng bữa ăn?’”

“Thưa ngài, không đúng.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế sự tinh tấn trong thời hiện tại thì chưa làm được việc, sự tinh tấn trước đây thì đã làm được việc.”

“Xin ngài cho thêm ví dụ.”

“Tâu đại vương, ngài nghĩ gì về điều này? Phải chăng khi nào ngài lâm trận thì khi ấy ngài mới bảo đào hào, mới bảo đắp lũy, mới bảo xây cố thành, mới bảo làm vọng gác, mới bảo đem lại thóc, khi ấy ngài mới rèn luyện về voi, mới rèn luyện về ngựa, mới rèn luyện về xe, mới rèn luyện về cung, mới rèn luyện về gươm?”

“Thưa ngài, không đúng.”

“Evameva kho mahārāja sampatte kāle vāyāmo akiccakaro bhavati. Paṭigacceva vāyāmo kiccakaro bhavati. Bhāsitampetam mahārāja bhagavatā:

*‘Paṭigacceva taṃ kayirā yaṃ jaññā hitamattano,  
na sākaṭikacintāya mantā dhīro parakkame.*

*Yathā sākaṭiko nāma<sup>1</sup> samaṃ hitvā mahāpathaṃ,  
visamaṃ maggamāruyha akkhacchinno ’va jhāyati.*

*Evaṃ dhammā apakkamma adhammamanuvattiya,  
mando maccumukhaṃ patto akkhacchinno ’va socatī<sup>2</sup>”ti.*

“Kallo’ si bhante nāgasenā ”ti.

6. Rājā āha: “**Bhante nāgasena, tumhe bhaṇatha ‘pākatikaggito nerayiko aggi mahābhimatāro<sup>3</sup> hoti. Khuddako ’pi pāsāṇo pākatike aggimhi pakkhitto divasampi ḍayhamāno<sup>4</sup> na vilayaṃ gacchati, kūtāgāramatto ’pi pāsāṇo nerayikaggimhi pakkhitto khaṇena vilayaṃ gacchatī**’ti. Etaṃ vacanaṃ na saddahāmi. Evañca pana vadetha ‘ye ca tattha uppannāsattā, te anekāni ’pi vassasahassāni niraye paccamānā na vilayaṃ gacchantī ’ti tampi vacanaṃ na saddahāmi ”ti.

Thero āha: “Taṃ kimmaññasi mahārāja, yā tā santi makariniyo ’pi suṃsumāriniyo ’pi kacchapiniyo ’pi moriniyo ’pi kapotiyō ’pi, kinnu tā kakkhalāni pāsāṇāni sakkharāyo ca khādantī ”ti?

“Āma bhante khādantī ”ti.

“Kimpana tāni tāsam kucchiyaṃ koṭṭhabbhantaragatāni vilayaṃ gacchantī ”ti?

“Āma bhante, vilayaṃ gacchantī ”ti.

“Yo pana tāsam kucchiyaṃ gabbho, so ’pi vilayaṃ gacchatī ”ti?

“Na hi bhante ”ti.

“Kena kāraṇenā ”ti?

“Maññāmi bhante kammādhikatena na vilayaṃ gacchatī ”ti.

“Evameva kho mahārāja kammādhikatena nerayikā sattā anekāni ’pi vassasahassāni niraye paccamānā na vilayaṃ gacchanti, tattheva jāyanti, tattheva vaḍḍhanti, tattheva maranti. Bhāsitampetam mahārāja bhagavatā: “**So na tāva kālaṃ karoti yāva na taṃ pāpaṃ kammaṃ vyantīhotī** ”ti.<sup>5</sup>

“Bhiyyo opammaṃ karohī ”ti.

<sup>1</sup> matṭhaṃ - Ma.

<sup>2</sup> jhāyati ti - Ma.

<sup>3</sup> mahābhitāpatāro - Ma, PTS.

<sup>4</sup> ḍhamamāno - PTS.

<sup>5</sup> vyantīhotī ti - PTS.



“Tâu đại vương, tương tự y như thế sự tinh tấn trong thời hiện tại thì chưa làm được việc, sự tinh tấn trước đây thì đã làm được việc. Tâu đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

*‘Người biết việc nào lợi ích cho mình thì nên làm việc ấy trước. Không có ý nghĩ như kẻ đánh xe bò, bậc thông minh trí thức nên cố gắng.’*

*Giống như kẻ đánh xe bò từ bỏ con đường lớn bằng phẳng đi vào con đường gồ ghề, bị gãy trục xe rồi bực bội.*

*Như vậy, sau khi xa lìa Chánh Pháp, xu hướng theo phi pháp, kẻ ngu bị rơi vào miệng thần chết, sâu muộn như kẻ bị gãy trục xe vậy.”*

“Thưa ngài Nāgasena, ngài thật khôn khéo.”

6. Đức vua đã nói rằng: **“Thưa ngài Nāgasena, ngài nói rằng: ‘Lửa địa ngục nóng dữ dội hơn lửa bình thường. Một hòn đá nhỏ bé được ném vào trong lửa bình thường, trong khi bị đốt cháy trọn ngày vẫn không bị tiêu hoại, còn tảng đá thậm chí lớn bằng ngôi nhà mái nhọn được ném vào trong lửa địa ngục liền bị tiêu hoại trong giây lát.’** Trẫm không tin lời nói này. Hơn nữa, ngài còn nói như vậy: ‘Chúng sanh nào sanh ra ở nơi ấy, trong khi bị nung nấu ở địa ngục thậm chí trong nhiều ngàn năm, vẫn không bị tiêu hoại,’ trẫm cũng không tin lời nói này.”

Vị trưởng lão đã nói rằng: “Tâu đại vương, ngài nghĩ gì về điều này? Các loài như cá đao cái, cá sấu cái, rùa cái, công mái, bồ câu mái, phải chăng chúng ăn các hòn đá và các hạt cát cứng rắn?”

“Thưa ngài, đúng vậy. Chúng ăn.”

“Vậy có phải các thứ này khi đã đi vào bên trong bao tử ở bụng của chúng thì bị tiêu hoại?”

“Thưa ngài, đúng vậy. Chúng bị tiêu hoại.”

“Vậy còn bào thai ở trong bụng của các loài thú cái ấy cũng bị tiêu hoại?”

“Thưa ngài, không đúng.”

“Vì nguyên nhân gì?”

“Thưa ngài, trẫm nghĩ do tác động của nghiệp khiến chúng không bị tiêu hoại.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế do tác động của nghiệp khiến chúng sanh ở địa ngục, trong khi bị nung nấu ở địa ngục thậm chí trong nhiều ngàn năm, vẫn không bị tiêu hoại; họ sanh ra ngay tại nơi ấy, lớn lên ngay tại nơi ấy, chết đi ngay tại nơi ấy. Tâu đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: *“Cho đến khi nào nghiệp ác ấy còn chưa được diệt tận thì chúng sanh địa ngục ấy vẫn không chết.”*

“Xin ngài cho thêm ví dụ.”

“Taṃ kimmaññasi mahārāja, yā tā santi sīhiyo ’pi vyagghiyo ’pi dīpiniyo ’pi kukkuriyo ’pi, kinnu tā kakkhalāni ’pi<sup>1</sup> atthikāni maṃsāni khādanti ”ti?

“Āma bhante, khādanti ”ti.

“Kimpana tāni tāsam kucchiyaṃ koṭṭhabbhantaragatāni vilayaṃ gacchanti ”ti?

“Āma bhante, vilayaṃ gacchanti ”ti.

“Yo pana tāsam kucchiyaṃ gabbho, so ’pi vilayaṃ gacchatī ”ti?

“Na hi bhante ”ti.

“Kena kāraṇenā ”ti?

“Maññāmi bhante, kammādhikatena na vilayaṃ gacchatī ”ti.

“Evameva kho mahārāja kammādhikatena nerayikā sattā anekāni ’pi vassasahassāni niraye paccamānā na vilayaṃ gacchanti ”ti.

“Bhiyyo opammaṃ karohī ”ti.

“Taṃ kimmaññasi mahārāja, yā tā santi yonakāsukhumāliniyo ’pi khattiyasukhumāliniyo ’pi brāhmaṇasukhumāliniyo ’pi gahapatisukhumāliniyo ’pi kinnu tā kakkhalāni khajjakāni maṃsāni khādanti ”ti?

“Āma bhante khādanti ”ti.

“Kimpana tāni tāsam kucchiyaṃ koṭṭhabbhantaragatāni vilayaṃ gacchanti ”ti?

“Āma bhante vilayaṃ gacchanti ”ti.

“Yo pana tāsam kucchiyaṃ gabbho so ’pi vilayaṃ gacchatī ”ti?

“Na hi bhante ”ti.

“Kena kāraṇenā ”ti?

“Maññāmi bhante kammādhikatena na vilayaṃ gacchatī ”ti.

“Evameva kho mahārāja, kammādhikatena nerayikā sattā anekāni ’pi vassasahassāni niraye paccamānā na vilayaṃ gacchanti, tattheva jāyanti, tattheva vaḍḍhanti, tattheva maranti. Bhāsitampeṭaṃ mahārāja bhagavatā: **“So na tāva kālaṃ karoti yāva na taṃ pāpaṃ kammaṃ vyantī hotī ”ti.**

“Kallo ’si bhante nāgasenā ”ti.

<sup>1</sup> pi - iti saddo Ma, PTS potthakesu na dissate.

“Tâu đại vương, ngài nghĩ gì về điều này? Các loài như sư tử cái, cọp cái, beo cái, chó cái, phải chăng chúng cũng ăn các khúc xương và các miếng thịt cứng rắn?”

“Thưa ngài, đúng vậy. Chúng ăn.”

“Vậy có phải các thứ này khi đã đi vào bên trong bao tử ở bụng của chúng thì bị tiêu hoại?”

“Thưa ngài, đúng vậy. Chúng bị tiêu hoại.”

“Vậy còn bào thai ở trong bụng của các loài thú cái ấy cũng bị tiêu hoại?”

“Thưa ngài, không đúng.”

“Vì nguyên nhân gì?”

“Thưa ngài, trăm nghĩ do tác động của nghiệp khiến chúng không bị tiêu hoại.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế do tác động của nghiệp khiến chúng sanh ở địa ngục trong khi bị nung nấu ở địa ngục thậm chí trong nhiều ngàn năm, vẫn không bị tiêu hoại.”

“Xin ngài cho thêm ví dụ.”

“Tâu đại vương, ngài nghĩ gì về điều này? Các phụ nữ như các cô mảnh mai xứ Yona, các cô mảnh mai dòng Sát-đế-ly, các cô mảnh mai dòng Bà-la-môn, các cô gia chủ mảnh mai phải chăng họ cũng ăn các vật nhai và các miếng thịt cứng rắn?”

“Thưa ngài, đúng vậy. Họ ăn.”

“Vậy có phải các thứ này khi đã đi vào bên trong bao tử ở bụng của họ thì bị tiêu hoại?”

“Thưa ngài, đúng vậy. Chúng bị tiêu hoại.”

“Vậy còn bào thai ở trong bụng của những phụ nữ ấy cũng bị tiêu hoại?”

“Thưa ngài, không đúng.”

“Vì nguyên nhân gì?”

“Thưa ngài, trăm nghĩ do tác động của nghiệp khiến chúng không bị tiêu hoại.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế do tác động của nghiệp khiến chúng sanh ở địa ngục trong khi bị nung nấu ở địa ngục thậm chí trong nhiều ngàn năm, vẫn không bị tiêu hoại; họ sanh ra ngay tại nơi ấy, lớn lên ngay tại nơi ấy, chết đi ngay tại nơi ấy. Tâu đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: *“Cho đến khi nào nghiệp ác ấy còn chưa được diệt tận thì chúng sanh địa ngục ấy vẫn không chết.”*

“Thưa ngài Nāgasena, ngài thật khôn khéo.”

7. Rājā āha: “**Bhante nāgasena, tumhe bhaṇatha ‘ayaṃ mahā paṭhavī udake paṭiṭṭhitā, udakaṃ vāte paṭiṭṭhitam, vāto ākāse paṭiṭṭhito ’ti. Etampi vacanaṃ na saddahāmī**”ti.

Thero dhammakarakena udakaṃ gahetvā rājānaṃ milindaṃ saññāpesi ‘yathā mahārāja, imaṃ udakaṃ vātena ādhāritaṃ, evaṃ tampi udakaṃ vātena ādhāritan”ti.

“Kallo ’si bhante nāgasenā”ti.

8. Rājā āha: “**Bhante nāgasena nirodho nibbānan**”ti?

“Āma mahārāja nirodho nibbānan”ti.

“Kathambhante nāgasena nirodho nibbānan”ti?

“Sabbe bālaputhujjanā kho mahārāja ajjhattikabāhire āyatane abhinandanti, abhivadanti, ajjhosāya tiṭṭhanti. Te tena sotena vuyhanti, na parimuccanti jātiyā jarāya maraṇena sokena paridevena dukkhehi domanassehi upāyāsehi, na parimuccanti dukkhasmā ’ti vadāmi. Sutavā ca kho mahārāja ariyasāvako ajjhattikabāhire āyatane nābhinandati, nābhivadati, nājhosāya tiṭṭhati. Tassa taṃ anabhinandato anabhivadato anajjhosāya tiṭṭhato taṃhā nirujjhati, taṃhānirodhā upādānanirodho, upādānanirodhā bhavanirodho bhavanirodhā jātinirodho, jātinirodhā jarāmaraṇaṃ sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā nirujjhati. Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa nirodho hoti. Evaṃ kho mahārāja nirodho nibbānan”ti.

“Kallo ’si bhante nāgasenā”ti.

9. Rājā āha: “**Bhante nāgasena sabbeva labhanti nibbānan**”ti?

“Na kho mahārāja sabbeva labhanti nibbānaṃ. Api ca kho mahārāja yo sammā paṭipanno abhiññeyye dhamme abhijānāti, pariññeyye dhamme parijānāti, pahātabbe dhamme pajahati, bhāvetabbe dhamme bhāveti, sacchikātabbe dhamme sacchikaroti, so labhati nibbānan”ti.

“Kallo ’si bhante nāgasenā”ti.

10. Rājā āha: “**Bhante nāgasena, yo na labhati nibbānaṃ, jānāti so sukhaṃ nibbānan**”ti?

“Āma mahārāja, yo na labhati nibbānaṃ, jānāti so sukhaṃ nibbānan”ti.

“Kathambhante nāgasena alabhanto jānāti ‘sukhaṃ nibbānan’”ti?

“Taṃ kimmaññasi mahārāja yesaṃ nacchinnā hatthapādā jāneyyumaṃ te mahārāja dukkhaṃ hatthapādacchedanan”ti?

7. Đức vua đã nói rằng: **“Thưa ngài Nāgasena, ngài nói rằng: ‘Đại địa cầu này được tôn tại ở nước, nước được tôn tại ở gió, gió được tôn tại ở hư không.’ Trẫm cũng không tin lời nói này.”**

Vị trưởng lão đã lấy nước bằng bình đựng nước rồi giúp cho đức vua Milinda hiểu được rằng: “Tàu đại vương, nước này được nâng đỡ bởi gió như thế nào thì nước kia cũng được nâng đỡ bởi gió như thế ấy.”

“Thưa ngài Nāgasena, ngài thật khôn khéo.”

8. Đức vua đã nói rằng: **“Thưa ngài Nāgasena, có phải sự diệt tận là Niết Bàn?”**

“Tàu đại vương, đúng vậy. Sự diệt tận là Niết Bàn.”

“Thưa ngài Nāgasena, sự diệt tận là Niết Bàn nghĩa là thế nào?”

“Tàu đại vương, quả là tất cả những kẻ phạm phu ngu dốt thích thú tán thưởng, bám víu vào các nội và ngoại xứ. Chúng thả trôi theo dòng chảy ấy, không hoàn toàn thoát khỏi sự sanh, sự già, sự chết, các sự sầu bi khổ ưu não, tôi nói rằng chúng không hoàn toàn thoát khỏi khổ. Tàu đại vương, còn vị Thánh đệ tử, có sự học hỏi, không thích thú không tán thưởng, không bám víu vào các nội và ngoại xứ. Trong khi vị ấy không thích thú không tán thưởng, không bám víu vào các nội và ngoại xứ, ái bị diệt tận; do sự diệt tận của ái, có sự diệt tận của thủ; do sự diệt tận của thủ, có sự diệt tận của hữu; do sự diệt tận của hữu, có sự diệt tận của sanh; do sự diệt tận của sanh, già chết sầu bi khổ ưu não bị diệt tận. Như thế là sự diệt tận của toàn bộ khổ uẩn này. Tàu đại vương, sự diệt tận là Niết Bàn nghĩa là như vậy.”

“Thưa ngài Nāgasena, ngài thật khôn khéo.”

9. Đức vua đã nói rằng: **“Thưa ngài Nāgasena, có phải tất cả đều đạt được Niết Bàn?”**

“Tàu đại vương, không phải tất cả đều đạt được Niết Bàn. Tàu đại vương, người nào thực hành chân chánh biết rõ các pháp cần được biết rõ, biết toàn diện các pháp cần được biết toàn diện, dứt bỏ các pháp cần được dứt bỏ, tu tập các pháp cần được tu tập, tác chứng các pháp cần được tác chứng, người ấy đạt được Niết Bàn.”

“Thưa ngài Nāgasena, ngài thật khôn khéo.”

10. Đức vua đã nói rằng: **“Thưa ngài Nāgasena, người nào chưa đạt được Niết Bàn, có phải người ấy biết được Niết Bàn là an lạc?”**

“Tàu đại vương, đúng vậy. Người nào chưa đạt được Niết Bàn, người ấy vẫn biết được Niết Bàn là an lạc.”

“Thưa ngài Nāgasena, trong khi không đạt được Niết Bàn làm thế nào lại biết được Niết Bàn là an lạc?”

“Tàu đại vương, ngài nghĩ gì về điều này? Đối với những người có tay chân không bị chặt đứt, tàu đại vương, có phải họ có thể biết được sự chặt đứt tay chân là đau đớn.”

“Āma bhante, jāneyyun ”ti.

“Kathaṃ jāneyyun ”ti?

“Aññesaṃ bhante chinnaḥatthapādānaṃ paridevitasaddaṃ sutvā jānanti dukkhaṃ ḥatthapādacchedanaṃ ”ti.

“Evameva kho mahārāja, yesaṃ diṭṭhaṃ nibbānaṃ, tesāṃ sutvā<sup>1</sup> jānāti sukhaṃ nibbānaṃ ”ti.

“Kallo ’si bhante nāgasenā ”ti.

### **Nibbānavaggo catuttho.**

\*\*\*\*\*

---

<sup>1</sup> tesāṃ saddaṃ sutvā - Ma, PTS.

“Thưa ngài, đúng vậy.”

“Làm thế nào họ có thể biết được?”

“Thưa ngài, sau khi lắng nghe tiếng rên rỉ của những người khác có tay chân bị chặt đứt, họ biết được sự chặt đứt tay chân là đau đớn.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế sau khi lắng nghe những người đã thấy được Niết Bàn mà biết được Niết Bàn là an lạc.”

“Thưa ngài Nāgasena, ngài thật khôn khéo.”

**Phẩm Niết Bàn là thứ tư.**

\*\*\*\*\*